

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật như sau:

1. Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 1.1 Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng | Nhà thầu phải đáp ứng các điều kiện tương ứng tối thiểu hạng II theo quy định tại Điều 108 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ. Trường hợp liên danh dự thầu thì tất cả thành viên trong liên danh phải đáp ứng điều kiện trên. Có tài liệu chứng minh kèm theo. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.2. Phòng thí nghiệm chuyên ngành | Có phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các phép thử được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với nội dung thực hiện kiểm định. Kèm theo liệu chứng minh thuộc sở hữu hoặc đi thuê. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 2.1. Hiểu biết về tính chất, mục đích công việc của gói thầu | Hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (kiểm định, thử tải các cầu) chi tiết, đầy đủ, rõ ràng. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, sơ sài. | Không đạt |
| 2.2. Hiểu biết về đặc điểm vị trí địa lý, hiện trạng kết cấu, quy mô kỹ thuật, yêu cầu công trình. | Hiểu biết của nhà thầu về đặc điểm vị trí địa lý, hiện trạng kết cấu, quy mô kỹ thuật, yêu cầu công trình chi tiết, đầy đủ, rõ ràng. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, sơ | Không |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------|--|------------------|
| | sai. | đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 3.1.Kế hoạch cung cấp dịch vụ | Có kế hoạch chi tiết, cụ thể thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ (bố trí và huy động nhân sự, máy móc, thiết bị) | Đạt |
| | Không có kế hoạch hoặc đề xuất chưa chi tiết, cụ thể, rõ ràng. | Không đạt |
| 3.2.Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. | Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ: Trình tự triển khai và kỹ thuật, biện pháp dịch vụ cụ thể; phương án phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan trong quá trình kiểm định, thử tải xử lý các vấn đề phát sinh; phương án đảm bảo an toàn giao thông. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, sơ sài. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 4.1. Biện pháp đảm bảo chất lượng công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ | Có biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý, phù hợp với Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý. | Không đạt |
| 4.2. Sơ đồ và thuyết minh hệ thống tổ chức quản lý chất lượng của nhà thầu | Có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức hợp lý, khả thi phù hợp với Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. | Đạt |

| | | |
|-----------------|---|------------------|
| | Không có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự hoặc không có thuyết minh hoặc có sơ đồ và thuyết minh nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------------------|---|------------------|
| Tiêu chuẩn áp dụng thực hiện dịch vụ | Có đề xuất tiêu chuẩn áp dụng thực hiện gói thầu đáp ứng theo quy định hiện hành. | Đạt |
| | Không trình đề xuất, hoặc đề xuất không đáp ứng. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------------------------|--|------------------|
| Tiến độ thực hiện gói thầu | Đề xuất thời gian thực hiện không quá 30 ngày (trong đó: Công tác khảo sát, kiểm định thử tải, xử lý số liệu, lập báo cáo kiểm định, hồ sơ hoàn công, nghiệm thu là: 27 ngày; thời gian thực hiện quyết toán A-B là : 3 ngày). Có bảng biểu mô tả kế hoạch và tiến độ thực hiện công việc. | Đạt |
| | Không trình đề xuất, hoặc đề xuất không đáp ứng. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

7. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông.

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------------|-------------------------------|---|-----|
| a) Vệ sinh môi trường | | | |
| | Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp | Đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|--------------------------|--|--|
| | trường hợp lý, khả thi phù hợp với Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. | lý, khả thi phù hợp với Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. |
| | | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp. |
| | | Không đạt |
| b) Phòng cháy, chữa cháy | | |
| | Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. |
| | | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp. |
| | | Không đạt |
| c) An toàn lao động | | |
| | Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, đầy đủ, khả thi phù hợp với đề xuất về Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ. |
| | | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp. |
| | | Không đạt |
| d) An toàn giao thông | | |
| | Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, có phương án xử lý tai nạn giao thông và các sự cố liên quan | Có thuyết minh và giải pháp để tăng cường công tác xử lý an toàn giao thông, đảm bảo trật tự an toàn giao thông theo đúng các quy định |
| | | Không trình đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng. |
| | | Không đạt |
| | Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. |
| | | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. |
| | | Không đạt |

8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|---|---|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. <i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản</i> | Nhà thầu không Vi phạm quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 hoặc có nhưng nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu gấp 3 lần trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ- |
| | Đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| <i>cam kết. Trường hợp liên danh dự thầu thì từng thành viên trong liên danh phải cung cấp cam kết theo yêu cầu.</i> | CP ngày 04/8/2025. | |
| | Nhà thầu có vi phạm quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng không thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu gấp 3 lần trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đạt được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết không đạt được xác định là không đạt. | Không đạt |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có): Không được phép

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Không có